

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h15

Ngày thi: 20/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0281	Nguyễn Như	Quỳnh	6/11/1999			
2	TA0282	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	20/8/2000			
3	TA0283	Đoàn Diễm	Quỳnh	8/9/1998			
4	TA0284	Nguyễn Như	Quỳnh	9/11/2000			
5	TA0285	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	29/10/2000			
6	TA0286	Nguyễn Đình	Sơn	6/7/2000			
7	TA0287	Nguyễn Huy	Sơn	9/1/2000			
8	TA0288	Nguyễn Thành	Sơn	24/1/1999			
9	TA0289	Trần Đức	Sơn	26/10/1999			
10	TA0290	Phạm Đình	Tài	27/6/1998			
11	TA0291	Võ Thành	Tài	23/2/1999			
12	TA0292	Nguyễn Thị Anh	Tâm	1/11/2000			
13	TA0293	Nguyễn Ngọc	Thạch	12/12/2000			
14	TA0294	Phạm Nhật	Thăng	26/10/2000			
15	TA0295	Nguyễn Đình	Thăng	26/4/1999			
16	TA0296	Công Thị Phương	Thanh	20/7/2000			
17	TA0297	Nguyễn Thị	Thanh	20/6/1999			
18	TA0298	Phạm Đức	Thanh	10/1/2000			
19	TA0299	Trần Quang	Thanh	12/1/1999			
20	TA0300	Trần Thị	Thanh	9/10/2000			
21	TA0301	Bùi Công	Thành	27/8/1999			

22	TA0302	Nguyễn Việt	Thành	23/4/1999			
23	TA0303	Đàm Hương	Thảo	18/11/2000			
24	TA0304	Nguyễn Phương	Thảo	18/4/2000			
25	TA0305	Nguyễn Thạch	Thảo	4/1/2000			
26	TA0306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9/2/1999			
27	TA0307	Vũ Nhật T	Thiên	31/3/2000			
28	TA0308	Trần Đăng	Thịnh	11/11/1999			
29	TA0309	Đoàn Thị	Thoan	10/12/1999			
30	TA0310	Ngô Thị	Thơm	9/7/2000			
31	TA0311	Phạm Thị	Thơm	16/4/2000			
32	TA0312	Vũ Anh	Thư	17/5/2000			
33	TA0313	Phạm Dương	Thuận	6/11/2000			
34	TA0314	Nguyễn Công	Thường	1/1/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)